

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16/12/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và ông Trịnh Quyết Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLVA-HN&GD ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cà Thị P; sinh năm 1988; Nơi ĐKTT: Bản Sáng, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn T; sinh năm 1983; ĐKTT: Bản Sáng, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (hiện nay đang chấp hành tại Đội 40 K1 Trại giam Y, Cục C, Bộ C1; địa chỉ: Xã H, huyện P, tỉnh Sơn La). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 10 năm 2024 và Biên bản ghi lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Cà Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cà Thị P và anh Lò Văn T tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2006, đến ngày 22/8/2007 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Chị P và anh T kết hôn trên tình thân tự nguyện, không bị ép buộc. Chị P và anh T chung sống hạnh phúc với nhau được những năm đầu, khi vợ chồng chung sống với nhau cuộc sống diễn ra bình thường, vợ chồng yêu thương nhau. Do anh T nghe lời xúi giục của bạn bè không tu chí làm ăn nên đã nghiện ma túy. Từ năm 2012 cho đến nay, anh T cũng vi phạm pháp luật và đi chấp hành án nhiều lần. Chị P và gia đình đã khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi, khi góp ý thì vợ chồng mâu thuẫn. Đến năm 2020 do phạm tội về

ma túy nên anh T bị tuyên tử hình, tuy nhiên do có biểu hiện tốt nên đã được giảm xuống tù chung thân; hiện đang chấp hành ở Trại giam Y. Trong 04 năm qua một mình chị P ở nhà và nuôi các con vất vả. Trong khoảng thời gian qua chị P cũng chỉ thăm thân đối với anh T một lần khi anh T mới bị bắt, đã từ lâu chị không còn thăm gặp anh T nữa. Đến nay thời gian vợ chồng xa cách đã lâu, chị P không còn tình cảm với anh T và thấy rằng không thể tiếp tục kéo dài mối quan hệ hôn nhân không còn hạnh phúc với anh T. Vì vậy chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị P được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị Cà Thị P và anh Lò Văn T có 02 con chung tên là Lò Văn H; sinh ngày 07/4/2006 và Lò Thị H1, sinh ngày 12/5/2012. Khi ly hôn chị P đề nghị Tòa án xem xét giao con chung là Lò Thị H1 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Lò Văn H; sinh ngày 07/4/2006, đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên chị P không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Cà Thị P là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên có đơn đề nghị miễn án phí.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn T. Tại bản tự khai của anh T có nội dung: Anh T đồng ý ly hôn với chị P. Đề nghị Tòa án giao con chung cho bố mẹ anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ. Anh T xin vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Chị P và anh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không tu chí làm ăn mà đi vào con đường phạm tội, nên hiện đang chấp hành án tại trại giam. Chị P và anh T có 02 con chung là Lò Văn H; sinh ngày 07/4/2006 và Lò Thị H1, sinh ngày 12/5/2012. Đối với cháu Lò Văn H đã trưởng thành và tự lao động nuôi bản thân. Còn con chung là Lò Thị H1 đang được chị P trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo cho cháu H1 có cuộc sống ổn định thì đề nghị xem xét giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lò Thị H1.

Nguyện vọng của Lò Thị H1: Con chung Lò Thị H1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, vì ở với mẹ được chăm sóc và đi học đầy đủ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cà Thị P, cho chị Cà Thị P ly hôn với anh Lò Văn T; giao con chung là Lò Thị H1; sinh ngày 12/5/2012 cho chị Cà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P là người dân

tộc thiểu số; sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Cà Thị P và anh Lò Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị P nộp đơn khởi kiện, anh T có nơi ĐKTT tại bản Sáng, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị P và anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Việc đưa ra xét xử vắng mặt các đương sự, vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị P và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn ngày 22/8/2007 đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; kết hôn trên cơ sở tự nguyện; thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn; nên có thể xác định hôn nhân của chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Giữa chị P và anh T đã có mâu thuẫn do anh T sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn xây dựng gia đình; do không chịu đựng được nên chị P đã sống ly thân với anh T trước khi anh T đã phạm tội và chấp hành án tại Trại giam Y, tỉnh Sơn La. Thời gian sống xa cách đã lâu, không còn sự quan tâm chia sẻ; chị P xin ly hôn, anh T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn; do vậy HĐXX thấy rằng, hôn nhân giữa chị P và anh T đã có rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; nên yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cà Thị P, cho chị Cà Thị P ly hôn với anh Lò Văn T.

[3]

Về con chung: Chị Cà Thị P và anh Lò Văn T có 02 con chung tên là Lò Văn H; sinh ngày 07/4/2006 và Lò Thị H1, sinh ngày 12/5/2012. Xét thấy đối với việc trực tiếp nuôi con của anh T là không đảm bảo do anh T đang chấp hành án tại Trại giam; việc anh T có ý kiến giao con chung là Lò Thị H1 cho bố mẹ của anh T trực tiếp nuôi dưỡng là không đúng với quy định của Luật hôn nhân gia đình vì nghĩa vụ nuôi dưỡng con trước hết là của bố và mẹ đối với con chưa thành niên; hơn nữa từ ngày anh T bị bắt con chung do chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình nuôi dưỡng chị P vẫn đảm bảo cho các con có cuộc sống ổn định và được đi học như bao đứa trẻ cùng trang lứa; đến nay yêu cầu được trực tiếp nuôi

con của chị P hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng được chung sống cùng với mẹ đẻ của con chung là Lò Thị H1. Do đó yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị P là có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận. Để con chung của chị P và anh T có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; HĐXX căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận về yêu cầu giao nuôi con chung của chị P. Việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị P, xét thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không xem xét.

Đối với con chung là Lò Văn H; sinh ngày 07/4/2006, đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên chị P và anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí; Hội đồng xét xử xét thấy chị P là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí; vì vậy chị P đủ điều kiện để miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cà Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cà Thị P được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Cà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Thị H1; sinh ngày 12/5/2012 cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Cà Thị P có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Chị Cà Thị P và anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Đối với con chung là Lò Văn H; sinh ngày 07/4/2006, đã đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động nên chị P và anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Cà Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Cà Thị P và anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Dương sự;
- UBND xã Quài Cang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga